| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỘC BÌNH**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-6-2019
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nghĩa vụ thanh toán nợ khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Văn Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Nha

Bà Triệu Thanh Thủy

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn*** *tham gia phiên toà:* Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nghĩa vụ thanh toán nợ khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nông Thị M, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Bị đơn*: Anh Thi Văn S, sinh ngày 1995; cư trú tại: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lý Thị X; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Ông Thi Văn N; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam. địa chỉ: Lầu 1, Sài Gòn R - 91P, phường B, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền ông J, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 chị Nông Thị M trình bày:

Chị Nông Thị M và anh Thi Văn S quen biết nhau vào 2010, sau khi quen biết và tìm hiểu, đến năm 2012 thì tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, cả hai chung sống với nhau, khi có con chung thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/8/2015. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thi Văn S hay rượu chè, cờ bạc, nợ nần, rồi về nhà lại đánh chị Nông Thị M, mẫu thuẫn nghiêm trọng nhất là vào ngày 12/8/2018, anh Thi Văn S lấy giấy tờ và xe mô tô của em trai đi cầm cố và bắt chị Nông Thị M vay tiền Ngân hàng nhưng chị Nông Thị M không đồng ý, nên anh Thi Văn S đã đập điện thoại của chị và vứt xuống ao. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Chị Nông Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Thi Hà V, sinh ngày 02/10/2013, khi ly hôn, chị Nông Thị M yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và không yêu cầu anh Thi Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Nợ bà Lý Thị X 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng); nợ ông Thi Văn N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); nợ Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Khi ly hôn chị Nông Thị M yêu cầu anh Thi Văn S phải trả khoản nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam; chị Nông Thị M có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho bà Lý Thị X và ông Thi Văn N với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 18/4/2019 chị Nông Thị M có đơn gửi Tòa án xin rút yêu cầu giải quyết đối với các khoản nợ, cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ với bà Lý Thị X, ông Thi Văn N, Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Thi Văn S không hợp tác để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị X trình bày: Tôi là mẹ đẻ của Nông Thị M có được có vợ chồng S, M vay mượn tiền (lần 1 vay số tiền 05 triệu đồng, lần 2 vay số tiền 20 triệu đồng). Khi cho vay không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay là đi mua xe. Từ khi các con vay đến nay chưa trả. Khi vợ chồng ly hôn tôi yêu cầu cả hai phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số nợ 25 triệu đồng. Tuy nhiên, Nông Thị M đã rút toàn bộ yêu cầu giải quyết khoản nợ, tôi hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thi Văn N trình bày: Tôi có được cho vợ chồng S, M vay mượn số tiền 05 triệu đồng. Khi cho vay không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay là để mua xe máy. Từ khi các cháu vay đến nay chưa trả. Khi vợ chồng ly hôn tôi yêu cầu cả hai vợ chồng có trách nhiệm trả cho tôi số nợ trên. Tuy nhiên, Nông Thị M đã rút toàn bộ yêu cầu giải quyết khoản nợ, tôi hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Một thành

viên M Việt Nam, đại diện theo ủy quyền ông J trình bày: Nông Thị M có khoản vay tiêu dùng tín chấp tại Công ty theo Hợp đồng số 317036, số tiền vay 30 triệu đồng. Nay vợ chồng ly hôn Công ty yêu cầu bà M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, đảm bảo quyền thu hồi nợ của Công ty.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần, thủ tục phiên tòa, quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia Tố tụng tại phiên toà được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu chị Nông Thị M ly hôn với anh Thi Văn S; Về con chung: chị Nông Thị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Thi Hà Vy đến khi trưởng thành và anh Thi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Chị Nông Thị M đã rút toàn bộ yêu cầu về giải quyết nợ chung, cần đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Nông Thị M và anh Thi Văn S quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyên tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, chị Nông Thị M có quyền yêu cầu ly hôn anh Thi Văn S theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của anh Thi Văn S: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ và gọi điện cho anh Thi Văn S theo số điện thoại của nguyên đơn cung cấp nhiều lần nhưng anh Thi Văn S không hợp tác để giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh ngày 13 tháng 3 năm 2019 thì anh Thi Văn S vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, nhưng hiện nay anh Thi Văn S không có mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ hiện tại và không rõ thời gian trở về do vậy Tòa án phối hợp cùng cùng Công an xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã lập biên bản không tống đạt được văn bản tố tụng được cho anh Thi Văn S theo quy định tại khoản 5, Điều 177 đồng thời tiến hành niêm yết công khai văn bản cần tống đạt theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc vắng mặt của anh Thi Văn S Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo như lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nông Thị M và anh Thi Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị

lừa dối được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh Thi Văn S thường xuyên cờ bạc, rượu chè, khi về còn hay đánh đập chị Nông Thị M. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay, cả ai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nông Thị M và anh Thi Văn S không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu của chị Nông Thị M xin ly hôn với anh Thi Văn S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh Thi Văn S không có mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Nông Thị M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Thi Hà Vy đến khi trưởng thành và anh Thi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về khoản nợ chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019 chị Nông Thị M trình bày giữa anh chị có khoản nợ chung là: Nợ bà Lý Thị X 25.000.000 đồng; nợ ông Thi Văn N 5.000.000 đồng; nợ Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam 30.000.000 đồng. Khi ly hôn chị Nông Thị M yêu cầu anh Thi Văn S phải trả khoản nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam; chị Nông Thị M có trách nhiệm thanh toán cho bà Lý Thị X và ông Thi Văn N với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị M đã rút yêu cầu về việc giải quyết các khoản nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngày 27 tháng 02 năm 2019, chị Nông Thị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05541 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 186; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 2, Điều 56, 57,58, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị M được ly hôn với anh Thi Văn S.

2. Về con chung: Chị Nông Thị M được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục con chung là Thi Hà V, sinh ngày 02/10/2013 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Thi Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Thi Văn S được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu của chị Nông Thị M về việc giải quyết các khoản nợ chung, cụ thể: Nợ bà Lý Thị X 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng); nợ ông Thi Văn N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); nợ Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nông Thị M đã nộp 300.000 đồng án phí (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05541 ngày 27 tháng 2 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị M, bà Lý Thị X, ông Thi Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án; anh Thi Văn S, Công ty tài chính TNHH Một thành viên M Việt Nam được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã X, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Bình**